

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DẦU TIẾNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-6-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Vũ Anh Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Đinh Thị Yến – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 715/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị A, sinh năm 1988; HKTT: Ấp B, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công E, sinh năm 1990; HKTT: Ấp B, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương; nơi cư trú: Ấp C, xã T, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 30/12/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị A trình bày:***

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Trần Thị A và ông Nguyễn Công E chung sống với nhau từ năm 2013. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 28/6/2013 tại Ủy ban nhân dân T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, ông E có người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên cãi cự lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Hiện nay, bà A thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông E.

- *Về con chung*: Quá trình chung sống bà A và ông E có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 10/7/2015. Khi ly hôn bà A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu ông E cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Đối với bị đơn (ông Nguyễn Công E):***

Ông E được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do cũng không cung cấp chứng cứ gì.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:***

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

***Chứng cứ được Hội đồng xét xử xem xét gồm:***

Đơn xin ly hôn ngày 30/12/2020; bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu; bản sao giấy khai sinh Nguyễn Thị Diễm M, Nguyễn Thị Mỹ N; Giấy chứng nhận kết hôn; bản tự khai; Giấy Đơn xin giải quyết vắng mặt của bà Trần Thị A; biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân và biên bản xác minh mâu thuẫn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Từ những tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Sau khi xem xét, thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn ông Nguyễn Công E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng bị đơn có tình vắng mặt không có lý do. Nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.2] Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 10/7/2015. Bị đơn là ông Nguyễn Công E có nơi cư trú tại xã T, huyện Dầu Tiếng nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

## [2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau từ năm 2013. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 84 ngày 28/6/2013. Quá trình chung sống, giữa vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bị đơn không chung thủy dẫn đến bất đồng quan điểm. Nguyên đơn xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, không hàn gắn được. Qua xác minh thực tế xác định được nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc ông bị đơn đã có người phụ nữ khác và không còn chung sống cùng nguyên đơn. Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác...và lý do chính đáng khác. Bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được. Quá trình tiến hành tố tụng bị đơn được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bị đơn cố tình vắng mặt, bị đơn không cung cấp ý kiến về các yêu cầu của nguyên đơn. Từ đó, hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn không có nguyện vọng đoàn tụ cùng nguyên đơn. Lời trình bày của nguyên đơn phù hợp với kết quả xác minh của Tòa án, do vậy Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng nguyên đơn và bị đơn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 10/7/2015. Khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bị đơn cố tình vắng mặt,

bị đơn không cung cấp ý kiến về yêu cầu nuôi con cũng như yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn đã từ bỏ các quyền của mình được pháp luật bảo vệ. Mặt khác, cháu M đã trên 7 tuổi, cháu M có nguyện vọng được sống cùng mẹ là nguyên đơn. Cháu N mặc dù chưa được 7 tuổi, tuy nhiên, cháu N là nữ, việc sống cùng mẹ sẽ đảm bảo được sự phát triển tốt nhất cho cháu trong trường hợp này. Như vậy, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung của nguyên đơn là có cơ sở. Bị đơn không cung cấp về mức thu thập của bản thân, cũng không cung cấp ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn. Căn cứ mức lương cơ bản và mức sống trung bình trên địa bàn huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương, nguyên đơn yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng mỗi tháng cho 02 con chung là phù hợp. Như vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 55, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Trần Thị A đối với ông Nguyễn Công E.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị A được ly hôn với ông Nguyễn Công E.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Thị A được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Thị Diễm M, sinh ngày 08/8/2013 và Nguyễn Thị Mỹ N, sinh ngày 10/7/2015. Ông Nguyễn Công E có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (1.000.000 đồng/con/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng bắt đầu từ tháng 7/2021.

Kể từ ngày bà A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông E chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì ông E còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất

được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị A không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

## II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà Trần Thị A phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0045562 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Công E phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật./.

### Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Vũ Anh Tuấn**